

Bản án số: 02/2024/DS-PT  
Ngày: 01/02/2024  
V/v: *Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Tuyết Mai***

***Các Thẩm phán:*** 1. Bà Hoàng Thị Thu Hương  
2. Bà Lý Thị Thúy

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 và ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:04/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

\* ***Nguyên đơn:*** Ông **Phạm Anh P** – Sinh năm 1974. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

\* ***Bi đơn:*** Ông **Triệu Trung S** – Sinh năm: 1959. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

\* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nông Thị D – Sinh năm 1965. Có mặt

2. Anh Triệu Quý Đ – Sinh năm 1993, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

*\*Người kháng cáo:* Bị đơn ông Triệu Trung S.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:***

Ngày 12/5/2019, ông cho ông Triệu Trung S. Địa chỉ: Thôn B, xã V (nay là Tiểu khu B, thị trấn V), huyện N, tỉnh Bắc Kạn vay số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*), hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày vay. Khi cho vay ông đưa cho ông S 01 tờ mẫu “*Giấy biên nhận, nhận tiền vay*”, ngày 12/5/2019, ông S tự viết nội dung vay vào mẫu giấy trên, cùng ngày ông S đã nhận đủ toàn bộ số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*), hai bên giao nhận tiền và ký xác nhận vào “*Giấy biên nhận, nhận tiền vay*”, không có người làm chứng. Khi ông S đến vay, ông có được photo và giữ lại giấy chứng minh nhân dân số 095.086.051 do Công an tỉnh B cấp ngày 28/10/2003 mang tên Triệu Trung S (bản photo). Đến hạn trả nợ, ông đã rất nhiều lần yêu cầu ông S trả số tiền trên cho ông nhưng ông S không trả, thời điểm cuối cùng ông yêu cầu ông S trả nợ là đầu năm 2022, đến nay ông S vẫn chưa trả số tiền trên cho ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông S phải trả số tiền gốc đã vay cho ông là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) theo Giấy biên nhận, nhận tiền vay ngày 12/5/2019.

***Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Triệu Trung S trình bày:***

Ông xác nhận được vay của ông Phạm Anh P số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) vào ngày 12/5/2019. Ông tự viết giấy vay tiền với ông P, ông P đã giao đủ cho ông số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*), giữa hai bên có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 5.000đồng/1 triệu/1 ngày nhưng không ghi vào giấy vay tiền. Ông P đã giữ lại giấy chứng minh nhân dân của ông (bản gốc) của ông để bảo đảm. Cá nhân ông vay tiền và có trách nhiệm trả, không yêu cầu các thành viên trong gia đình phải trả.

Ngày 12/6/2019, đến thời hạn trả theo giấy vay tiền, ông đã đến cửa hàng photo của ông P là nhà T, đầu cầu N - Địa chỉ: Khu A, xã V (nay là Tiểu khu A, thị trấn V), huyện N, tỉnh Bắc Kạn trả cho ông P số tiền 80.500.000đồng (*Tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng*) bao gồm số tiền gốc 70.000.000 đồng và 10.500.000 đồng tiền lãi của 30 ngày. Tất cả số tiền này đều được ông trả cho ông P bằng tiền mặt, các tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng. Sau khi trả tiền, ông P đã trả lại Giấy chứng minh nhân dân (bản gốc) cho ông và hứa sẽ xé bỏ “*Giấy biên nhận, nhận tiền vay*” ngày 12/5/2019. Do tin tưởng ông P nên ông đã không yêu cầu ông P xé giấy vay và ông cũng không lấy lại giấy vay tiền từ ông P. Việc ông trả tiền cho ông P không có ai làm chứng .

Nay ông P khởi kiện yêu cầu ông trả cho ông P số tiền gốc là 70.000.000đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) theo Giấy biên nhận, nhận tiền vay ngày

12/5/2019, ông không nhất trí vì ông đã trả toàn bộ số tiền vay cho ông P nên ông P mới trả lại bản gốc Giấy chứng minh nhân dân cho ông.

***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

**Bà Nông Thị D trình bày:** Bà là vợ ông Triệu Trung S, bà biết việc ông S vay và đã nhận đủ của ông Phạm A P số tiền 70.000.000 đồng vào ngày 12/5/2019 do ông S kê lại. Cá nhân ông Sáu t vay tiền, đứng tên vay và có trách nhiệm trả. Ngày 12/6/2019, ông S đã trả toàn bộ số tiền vay và lãi suất cho ông P. Việc ông S trả tiền cho ông P, bà không được trực tiếp chứng kiến mà chỉ nghe ông S kê lại. Nay ông P khởi kiện yêu cầu ông S trả số tiền 70.000.000 đồng theo Giấy biên nhận, nhận tiền vay ngày 12/5/2019, bà không nhất trí vì toàn bộ số tiền vay trên ông S đã trả cho ông P và ông P cũng đã trả giấy chứng minh nhân dân gốc cho ông S. Bà không có yêu cầu độc lập.

**Anh Triệu Quý Đ** mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần trong quá trình giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đã quyết định:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh P

2. Buộc ông Triệu Trung S có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Anh P tổng số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) còn nợ theo “Giấy biên nhận, nhận tiền vay”, ngày 12/5/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm

Ông Triệu Trung S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Anh P không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.750.000đ (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) cho ông P theo biên lai thu số 0000368 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/9/2023, bị đơn ông Triệu Trung S kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng Sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do bị đơn đã trả toàn bộ số tiền vay cho ông P nên ông P mới trả lại bản gốc Giấy chứng minh nhân dân cho bị đơn nên bị đơn không nhất trí trả.

### ***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Bị đơn không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên nội dung kháng cáo

Nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị D nhất trí với kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên nội dung đã trình bày tại tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật; Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết, thu thập, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, trình tự, thủ tục phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

- Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 3 Điều 150, Điều 429/Bộ luật dân sự năm 2015 thì tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông P, ông S theo “*Giấy biên nhận, nhận tiền vay*”, ngày 12/5/2019 đã hết thời hiệu khởi kiện, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng thời hiệu khởi kiện khi giải quyết vụ án là chính xác đúng quy định tại khoản 2 Điều 149/Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 184/Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm, tại phiên tòa anh Triệu Quý Đ vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung:** Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 70.000.000 đồng đã vay thấy: Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận ngày 12/5/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 70.000.000 đồng, thời

hạn vay là 30 ngày kể từ ngày vay, bị đơn đã nhận đủ số tiền 70.000.000 đồng từ nguyên đơn, bị đơn tự viết và ký tên vào “*Giấy biên nhận, nhận tiền vay*”, ngày 12/5/2019, việc viết giấy, ký tên và giao nhận tiền là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 117, Điều 463/Bộ luật dân sự năm 2015 thì giao dịch dân sự về việc vay tiền theo “*Giấy biên nhận, nhận tiền vay*”, ngày 12/5/2019 giữa ông Phạm Anh P và ông Triệu Trung S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về nghĩa vụ trả tiền: Điều 466/Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: **Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:** “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...” Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng kể từ ngày vay (12/5/2019) cho đến nay bị đơn chưa trả số tiền gốc 70.000.000 đồng cho nguyên đơn, bản gốc “*Giấy biên nhận, nhận tiền vay*”, ngày 12/5/2019 nguyên đơn vẫn giữ và đã cung cấp cho Tòa án nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền trên cho nguyên đơn. Bị đơn cho rằng: Ngày 12/6/2019 (đúng thời hạn trả được ghi trong giấy vay), bị đơn đã đến cửa hàng photô của nguyên đơn (nhà Thanh L, đầu cầu N). Địa chỉ: Khu A, xã V (nay là Tiểu khu A, thị trấn V), huyện N, tỉnh Bắc Kạn trả cho nguyên đơn số tiền 80.500.000 đồng (*T mười triệu năm trăm nghìn đồng*) bao gồm tiền gốc 70.000.000 đồng và 10.500.000 đồng tiền lãi khoản vay của 30 ngày, việc trả tiền không có giấy tờ, không có người làm chứng. Tuy nhiên sau khi trả tiền, nguyên đơn đã trả lại Giấy chứng minh nhân dân bản gốc cho bị đơn và hứa sẽ xé bỏ “*Giấy biên nhận, nhận tiền vay*” ngày 12/5/2019. Do tin tưởng nguyên đơn nên bị đơn đã không yêu cầu nguyên đơn xé giấy vay và cũng không lấy lại giấy vay từ nguyên đơn. Bị đơn cho rằng, việc nguyên đơn giữ bản gốc Giấy chứng minh nhân dân số 095086051 của bị đơn là để đảm bảo cho khoản vay cho nên khi bị đơn trả tiền, nguyên đơn đã trả lại bản gốc Giấy chứng minh nhân dân cho bị đơn. Theo bị đơn, đây là căn cứ để xác định việc bị đơn đã trả tiền cho nguyên đơn vì nếu chưa trả tiền thì nguyên đơn sẽ không thể trả giấy tờ cho bị đơn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị D khai được sắp xếp tiền để bị đơn trả cho nguyên đơn nhưng không được chứng kiến việc bị đơn đưa tiền trả cho nguyên đơn

Nguyên đơn khẳng định không có việc trả tiền như bị đơn đã trình bày, bị đơn chưa trả cho nguyên đơn bất cứ khoản tiền gốc hay lãi suất nào, khi cho vay, nguyên đơn chỉ giữ bản photo giấy chứng minh nhân dân của bị đơn, không giữ bản gốc. Xem xét “*Giấy biên nhận, nhận tiền vay*” ngày 12/5/2019 chỉ thể hiện nội dung các bên giao nhận số tiền vay là 70.000.000 đồng, không thể hiện việc bị đơn giao bản gốc giấy chứng minh nhân dân của bị đơn cho nguyên đơn giữ. Ngoài “*Giấy biên nhận, nhận tiền vay*” ngày 12/5/2019 do nguyên đơn cung cấp, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác xác định việc bị đơn đã trả tiền cho nguyên đơn và khi vay, nguyên đơn giữ bản gốc giấy chứng minh nhân dân của bị đơn.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền gốc đã vay 70.000.000 đồng cho nguyên đơn theo “*Giấy biên nhận, nhận tiền vay*” ngày 12/5/2019 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cung cấp các Giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn B, bà Lưu Thị Đ1, ông Nông Hà B1, bà Triệu thị S1, tuy nhiên các giấy xác nhận trên không có chứng thực chữ ký người làm chứng của UBND xã, bị đơn không đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng đến phiên tòa hơn nữa ông Nguyễn Văn B, bà Lưu Thị Đ1, ông Nông Hà B1, bà Triệu thị S1 chỉ xác nhận việc ông S trả tiền cho ông P là do nghe ông Sáu k lại chứ không được nhìn thấy việc ông S trả tiền cho ông P, ngoài ra bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh yêu cầu kháng cáo là có căn cứ, do vậy đơn kháng cáo của bị đơn không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, cần bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.3] Về lãi suất: Nguyên đơn trình bày: Khi vay, hai bên không thỏa thuận về lãi suất, bị đơn cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5.000đồng/1 triệu/1 ngày. Tuy nhiên, “*Giấy biên nhận, nhận tiền vay*”, ngày 12/5/2019 không thể hiện việc các bên có thỏa thuận lãi suất của khoản vay. Ngoài “*Giấy biên nhận, nhận tiền vay*”, ngày 12/5/2019, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất của khoản vay. Do đó, lời khai của bị đơn về phần lãi suất không có căn cứ để xem xét. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi của số tiền vay, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét về lãi suất là đúng quy định

[2.4] Về xác định quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Phạm Anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Triệu Trung S hoàn trả 70.000.000 đồng tiền gốc ông S còn nợ theo “*Giấy biên nhận, nhận tiền vay*”, ngày 12/5/2019. Theo quy định tại Điều 463/Bộ luật dân sự năm 2015 thì giao dịch dân sự giữa nguyên đơn, bị đơn theo “*Giấy biên nhận, nhận tiền vay*”, ngày 12/5/2019 là Hợp đồng vay tài sản, quá trình thực hiện hợp đồng, ông Triệu Trung S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay, các bên xảy ra tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy phải xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là : “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” là không chính xác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP, ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “*Những quy định chung*” của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án là không đúng quy định của pháp luật bởi theo Quyết định số 126/QĐ-TANDTC ngày 06/4/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực Tòa án nhân dân tối cao thì Nghị quyết trên đã hết hiệu lực toàn bộ kể từ ngày 06/4/2023.

Với những vi phạm nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không làm thay đổi bản chất của vụ án, do vậy không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm mà yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm là phù hợp.

### **[3] Về án phí:**

Mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng bị đơn là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 293, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Triệu Trung S. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Triệu Trung S được miễn án phí dân sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND huyện Ngân Sơn;
- THADS huyện Ngân Sơn;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vi Thị Tuyết Mai**